

Bản án số: 18/2018/DSPT

Ngày: 26/01/2018

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung .

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Tư.

Ông Nguyễn Văn Trường.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa :
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên .

Ngày 04 tháng 01 và ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLPT - DS, ngày 21/4/2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 321/2017/QĐPT-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Việt H - sinh 1957 (có mặt).

Địa chỉ: xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N - sinh 1945 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà N là anh Đỗ Thành N1 – sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân thành phố V .

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật : Ông Nguyễn Trung K (có văn bản xin vắng mặt ngày 20/12/2017).

Địa chỉ: số M, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Việt H là nguyên đơn .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Việt H trình bày:*

Ông Nguyễn Văn R là cha của ông H được Ủy ban nhân dân thị xã V (nay là thành phố) V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2004 số AA 161265 thửa 169 - tờ bản đồ 22, diện tích 784,7 m², tọa lạc tại ấp A, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 01/8/2007, ông R tặng cho quyền sử dụng đất này lại cho ông H, đã được chính mặt 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/01/2007, ông H đã sử dụng đất cho đến nay.

Năm 2014 ông H bắt cầu ngang con rạch qua khu đô thị mới thuộc xã T, thành phố V thì bà Nguyễn Thị N chủ sử dụng đất thửa số 58 - tờ bản đồ 22 giáp ranh với đất ông H ngăn cản. Lúc này ông H phát hiện bà N đã sử dụng đất lấn ranh đất của ông tổng cộng 156,9 m². Ông H khởi kiện yêu cầu bà N trả lại cho ông H diện tích đất lấn chiếm 156,9 m² và yêu cầu hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H rút lại yêu cầu hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N do ông Đỗ Thành NI đại diện trình bày:*

Bà Năm được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long cấp quyền sử dụng đất diện tích 8.977,6 m² thuộc thửa 58 – tờ bản đồ số 22 ngày 30/10/2007, phần đất này nằm giáp ranh với đất của ông H. Khi bà N kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đã được đo đạc xác định mốc giới có sự xác định ranh và ký giáp cận của ông Nguyễn Văn R. Bà N không có lấn chiếm đất của ông H nên không đồng ý trả lại phần đất 156,9 m² theo yêu cầu ông H.

- *Ủy ban nhân dân thành phố V có ý kiến tại công văn số 277/UBND-NC ngày 18/6/2015 với nội dung:* Phần đất bà Nguyễn Thị N đăng ký quyền sử dụng có nguồn của ông Đỗ Thành V (chồng bà N) đã chết, bà N kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất. Việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 169 cho hộ ông Rèn và thửa 58 cho bà Năm là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng, diện tích đất cấp cho bà Nguyễn Thị N không có trùng với quyền sử dụng đất thửa 169.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 161, 217 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 17 Nghị Quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 166 Luật đất đai năm 2014 Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn đòi hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58 – tờ bản đồ số 22 do Ủy ban nhân dân thị xã V (nay là thành phố) Vĩnh Long cấp quyền sử dụng đất cho bà Năm.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Việt H và sự tự nguyện của bị đơn bà Nguyễn Thị N, công nhận 18,7 m² đất chiết thửa 169-2 thuộc quyền sử dụng của ông Phan Việt H theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V đo vẽ ngày 26/01/2016.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Việt H đòi bị đơn bà Nguyễn Thị N trả lại diện tích 138,2 m² đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí khảo sát đo đạc và xem xét thẩm định, về án phí sơ thẩm nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/3/2017 nguyên đơn Phan Việt H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Cha ông H là ông R đã kê khai đăng ký có xác nhận của chính quyền địa phương diện tích thửa 169 tờ bản đồ số 22 là 926 m², chu vi thửa đất tiếp giáp với ao ruộng nước và tiếp giáp với rạch Ông S tại cọc mốc số 1. Ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà N trả lại phần đất lấn chiếm chiều dài khoảng 25m, chiều ngang 0,5m, công nhận phần đất 156,9 m² cho ông Hùng. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 291524 do UBND thị xã V cấp ngày 30/10/2007 mang tên bà Nguyễn Thị N. Làm rõ con số 18,7 m² dựa trên cơ sở nào, từ đâu có để Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long tuyên chấp nhận sự tự nguyện của bà N giao trả cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu bà Năm trả lại phần đất có diện tích 18,8m² thuộc thửa 169 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long ngày 30/11/2017; bà N dành cho ông Hùng lối đi có diện tích 13,1 m² thuộc thửa 58 tính từ thửa 169 đến con rạch theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2018.

- Bị đơn bà Năm do anh N1 và ông H đã thỏa thuận được với nhau nội dung như sau : Bà N có nghĩa vụ trả lại phần đất có diện tích 18,8m² thuộc thửa 169 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long; bà N đồng ý cho ông H được quyền sử dụng hợp pháp phần đất lối đi có diện tích 13,1 m² thuộc thửa 58 tính từ thửa 169 đến con rạch theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2018. Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản cấp sơ thẩm ông H tự nguyện nộp, chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản và thẩm định tại chỗ cấp phúc thẩm ông H tự nguyện nộp 4.960.000đ, bà N tự nguyện nộp 1.000.000đ, về án phí sơ thẩm ông H tự nguyện nộp.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ghi nhận sự tự nguyện của bà Năm cho ông Hùng được quyền sử dụng phần đất có diện tích 13,1 m² thuộc thửa 58, sửa

án sơ thẩm; Ông Hùng phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 13/03/2017 Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Phan Việt H còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 29/11/2017 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long xác định phần đất tranh chấp theo sự chỉ ranh của ông H có diện tích 152 m² trong đó có 17,4 m² thuộc thửa 169 do ông Phan Việt H đứng tên quyền sử dụng đất; có 134,6 m² thuộc thửa 58 do bà Nguyễn Thị N tên quyền sử dụng đất. Theo sự chỉ ranh của anh N1 là người đại diện hợp pháp cho bà N có 1,4 m² không tranh chấp thuộc thửa 169 do ông Phan Việt H đứng tên quyền sử dụng đất. Diện tích đo đạc hiện trạng có sự thay đổi so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định lại ranh giới, mốc giới thửa đất không đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Tại bản cung cấp tài liệu địa chính của Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long (bút lục 26) về việc cung cấp tài liệu lưu trữ địa chính đối với thửa 169, tờ bản đồ số 22 do hộ ông Nguyễn Văn R đứng tên thể hiện như sau: Ngày 17/8/1992, ông Nguyễn Văn R có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (bút lục 30) diện tích 101m², loại đất Thổ, thuộc thửa 2658, tờ bản đồ số 666 và diện tích 825m² thuộc thửa 3671, loại đất vườn, tờ bản đồ số 667, có xác nhận Hội đồng đăng ký đất đai xét cấp. Ngày 09/01/1998 ông Nguyễn Văn R có tờ khai nguồn gốc sử dụng đất (bút lục 31) diện tích 101m², loại đất thổ, thuộc thửa 666 và diện tích 825m² thuộc thửa 667, loại đất vườn. Thời điểm sử dụng đất trước năm 1975 có nguồn gốc là của ông bà để lại cho ông R.

Tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới ngày 09/01/1998 đối với phần đất của ông Nguyễn Văn R (bút lục 32) tại thửa 666, loại đất thổ và thửa 667, loại đất vườn, theo bản vẽ sơ họa mốc giới thửa đất thì phần đất này có hướng Tây, Nam và Đông giáp với chủ giáp cận là ông Đỗ Thành V, hướng Bắc giáp rạch có chữ ký của chủ giáp cận là ông Đỗ Thành V, chủ sử dụng đất là ông R.

Ngày 02/06/2000 Phòng đăng ký thống kê địa chính có nhận của ông Nguyễn Văn R biên lai thu lệ phí đăng ký quyền sử dụng đất (bút lục 33) diện tích 101m², loại đất thổ, thuộc thửa 265 và diện tích 825m² thuộc thửa 3671, loại đất vườn, tổng diện tích là 926 m².

Ngày 11/2/2004 ông R có đơn xin cấp trích lục bản đồ khu đất và xác minh quyền sử dụng đất để đo tách lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất đo bao với ông Nguyễn Thành V tại thửa 58 diện tích 11.698,6m², tờ bản đồ số 22, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ông Rền đã sử dụng 900m² đất thổ quả, đồng ý cho ông R được đo đạc lập hồ sơ 60/CP.

[3]Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu bà N trả lại phần đất có diện tích 18,8m² thuộc thửa 169 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long ngày 30/11/2017; bà N đồng ý trả lại cho ông H phần đất có diện tích 18,8m² thuộc thửa 169 đồng thời bà N tự nguyện cho ông H được quyền sử dụng hợp pháp phần đất lối đi có diện tích 13,1 m² thuộc thửa 58 tính từ thửa 169 đến con rạch theo sự chỉ ranh của anh N1 đại diện cho bà N tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 30/11/2017 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy, thửa đất 169 diện tích 784,7 m² có nguồn gốc từ thửa 2658, diện tích 101m² và thửa 3671 diện tích 825m² do ông Nguyễn Văn R đăng ký quyền sử dụng đất có tứ cận Tây, Nam và Đông giáp với đất của ông Đỗ Thành V, Bắc giáp rạch. Nay bà N và ông H tự nguyện thỏa thuận bà N đồng ý cho ông H được quyền sử dụng hợp pháp phần đất lối đi có diện tích 13,1 m² thuộc thửa 58 tính từ thửa 169 đến con rạch theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2018. Xét thỏa thuận này là phù hợp với qui định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự và sửa án sơ thẩm.

[4]Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản:

- Ông Phan Việt H tự nguyện nộp 4.960.000đ, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng ngày 21/06/2017 là 8.000.000đ (tám triệu đồng); ngày 10/01/2018 là 1.000.000đ và phiếu hoàn lại tiền tạm ứng ngày 20/12/2017 là 3.640.000đ và ngày 26/01/2018 là 400.000đ. Ông Phan Việt H đã nộp đủ chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản.

- Bà Nguyễn Thị N tự nguyện nộp 1.000.000đ, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng ngày 19/07/2017 là 1.000.000đ (một triệu đồng). Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản.

[5]Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phan Việt H tự nguyện nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Do bà N và ông H đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không phải xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 245, 246, 254 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 95, 166, 171 Luật đất đai năm 2014; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ giao cho ông Phan Việt H được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 13,1 m² thuộc tách thửa 58, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có vị trí gồm các mốc A, g, 28, 29, 3, B, a, a, E, A theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 30/11/2017 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long và Sơ đồ vị trí đất đính kèm Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2018.

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động đất do có thay đổi về những hạn chế quyền của người sử dụng đất .

1.2. Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ giao cho ông Phan Việt H được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 17,4 m² + 1,4 m², tổng cộng là 18,8 m² thuộc tách thửa 169, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do ông Phan Việt H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất có vị trí gồm các mốc 2, a, b, 22, 21, 2 + 2, a, a, 2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 30/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2. Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản:

2.1. Tại Tòa án cấp sơ thẩm:

- Ông Phan Việt H tự nguyện nộp 2.858.750đ (hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) nên được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 4.000.000đ (bốn triệu đồng); ông Phan Việt H được nhận lại số tiền 1.141.250đ (một triệu một trăm bốn mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng) đồng do Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long hoàn trả .

2.2. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

- Ông Phan Việt H tự nguyện nộp 4.960.000đ, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng ngày 21/06/2017 là 8.000.000đ (tám triệu đồng); ngày 10/01/2018 là 1.000.000đ (một triệu đồng) và phiếu hoàn lại tiền tạm ứng ngày 20/12/2017 là 3.640.000đ (ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) và ngày 26/01/2108 là 400.000đ (bốn triệu đồng). Ông Phan Việt H đã nộp đủ chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản.

- Bà Nguyễn Thị N tự nguyện nộp 1.000.000đ (một triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng ngày 19/07/2017 là 1.000.000đ (một triệu đồng). Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Ông Phan Việt H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 022628 ngày 02/10/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, ông H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3.1. Án phí phúc thẩm:

- Ông Phan Việt H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0002388, ngày 13/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao : 01;
- VKSND Tỉnh Vĩnh Long : 02;
- Tổ Nghiệp Vụ : 01;
- TAND thành phố V ; 01;
- Chi cục THADS tp V 01;
- Đ/s: 09;
- Lưu hồ sơ vụ án: 08.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung